

Tình hình sử dụng ngôn ngữ và thái độ, nguyện vọng của người Cơ Tu đối với tiếng nói, chữ viết của tộc người này¹

Nguyễn Văn Hiệp^(*)

Tóm tắt: Bài viết trình bày khảo sát mới nhất của nhóm nghiên cứu về tình hình sử dụng ngôn ngữ và thái độ của người Cơ Tu đối với tiếng nói, chữ viết dân tộc Cơ Tu. Kết quả khảo sát cho thấy tình trạng song ngữ (Cơ Tu-Việt) của người Cơ Tu là tốt, phần lớn người Cơ Tu có thể sử dụng thành thạo cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày; tiếng Cơ Tu là ngôn ngữ an toàn, tức không phải là ngôn ngữ có nguy cơ mai một. Bài viết cũng nêu vấn đề cần được đồng thuận đối với việc lựa chọn bộ chữ viết cho người Cơ Tu trong tình huống có sự cạnh tranh của hai bộ chữ đang được sử dụng ở hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế.

Từ khóa: Dân tộc Cơ Tu, Ngôn ngữ Cơ Tu, Năng lực ngôn ngữ, Thái độ ngôn ngữ, Chữ viết Cơ Tu, Nguy cơ mai một, Bảo tồn ngôn ngữ

Abstract: The article presents the latest survey on the situation of language use and attitudes of Co Tu people towards their ethnic language and writing systems. The result shows that Co Tu people are bilingual (Co Tu-Viet), most of them have a good command of their mother tongue and Vietnamese in daily communication. Therefore, Co Tu language is considered safe (not endangered). The article also raises the issue that needs to be agreed upon in the selection of scripts for the Co Tu people in the situation where there is a conflict between the two scripts being used in Quang Nam and Thua Thien Hue provinces.

Keywords: Co Tu Ethnic Group, Co Tu Language, Language Ability, Language Attitude, Co Tu Script, Language in Danger, Language Conservation

Mở đầu

Tộc danh Cơ Tu còn có những cách viết khác là Ka Tu, Ca Tu, Katu, Ca Tu, Cờ - Tu...

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài: “Tổng hợp các kết quả nghiên cứu, đề xuất kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan có liên quan về những vấn đề cấp bách để bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc của ngôn ngữ, chữ viết dân tộc thiểu số”, Mã số ĐTDL.XH-06/19, GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp chủ nhiệm, Viện Ngôn ngữ học chủ trì, thời gian thực hiện từ năm 2020-2022.

^(*) GS.TS., Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: nvhseoul@gmail.com

Hiện nay, Cơ Tu là tên gọi được dùng trên các cổng thông tin điện tử của Nhà nước và trên các phương tiện truyền thông. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, người Cơ Tu ở Việt Nam có 74.173 người, tốc độ tăng dân số 1,86 % (Tổng cục Thống kê, 2020: 45). Địa bàn cư trú của người Cơ Tu thuộc dãy núi Trường Sơn. Ở phía Đông Trường Sơn, người Cơ Tu chủ yếu cư trú ở tỉnh Quảng Nam (tập trung ở các huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang), một số sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế (chủ yếu ở

huyện Nam Đông và một số nhỏ ở huyện A Lưới). Ở phía Tây Trường Sơn còn có một số ít người Cơ Tu sống ở tỉnh Khăm Muôn thuộc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Bài viết tập trung làm rõ: Những vấn đề chung về địa bàn cư trú, tiếng nói, chữ viết của người Cơ Tu ở hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế; Cảnh huống ngôn ngữ Cơ Tu ở hai tỉnh này, tập trung vào tình hình sử dụng, năng lực ngôn ngữ, thái độ và nguyện vọng của người Cơ Tu đối với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; Mong muốn, nguyện vọng của người Cơ Tu (gồm đồng bào Cơ Tu và lãnh đạo địa phương người Cơ Tu) đối với việc bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của người Cơ Tu; Thảo luận về vấn đề lựa chọn bộ chữ viết Cơ Tu trong tình hình có 2 bộ chữ Cơ Tu khác nhau cùng được sử dụng. Ngữ liệu sử dụng để phân tích là 300 phiếu tư liệu từ cuộc điều tra, khảo sát đối với 300 cộng tác viên tại 2 huyện Tây Giang (Quảng Nam) và A Lưới (Thừa Thiên Huế)¹ do nhóm nghiên cứu thực hiện tháng 4/2022 trong khuôn khổ Đề tài.

1. Tiếng Cơ Tu và chữ Cơ Tu

1.1. Tiếng Cơ Tu

Theo các nhà ngôn ngữ học, tiếng Cơ Tu thuộc nhóm Katuic, dòng Môn-Khmer, thuộc ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Nhóm Katuic là một nhóm lớn, gồm nhiều ngôn ngữ phân bố ở Việt Nam, Lào và Đông Bắc Thái Lan, gồm các ngôn ngữ thuộc Katuic

Đông (Cơ Tu, Pa Cô, Tà Ôi, Ir, Nghe, Kantu) và Katuic Tây (Bru, Kùì, Sô) (Dẫn theo: Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi, 1998: 8-10).

Về cấu trúc âm tiết, tiếng Cơ Tu là ngôn ngữ cận âm tiết tính (sesquisyllable) điển hình. Theo đó, từ âm vị học (phonological word), tiếng Cơ Tu gồm có 1 âm tiết chính và có thể có 1, 2 hoặc 3 âm tiết phụ đứng trước. Tiếng Cơ Tu được cho là có 24 phụ âm, 18 nguyên âm, có 6 nguyên âm đôi (Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi, 1998: 17-27, 31).

Tiếng Cơ Tu ở Việt Nam có nhiều phương ngữ (thậm chí thổ ngữ), như: tiếng Cơ Tu vùng thấp ở các huyện Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang thuộc Quảng Nam; tiếng Cơ Tu vùng cao, cũng thuộc các huyện ở tỉnh Quảng Nam như trên, song khu trú ở vùng núi cao tiếp giáp với Lào; tiếng Phuong, hay tiếng Cơ Tu ở các huyện Nam Đông, A Lưới thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về khác biệt từ vựng, nghiên cứu của David Thomas cho rằng các phương ngữ Cơ Tu có từ 62-72% từ vựng chung, trong khi tỷ lệ từ vựng chung giữa tiếng Cơ Tu với các ngôn ngữ Katuic khác như Bru, Pa Cô, Tà Ôi là 42-55% (Dẫn theo: Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi, 1998: 12). Trong một nghiên cứu gần đây, Nguyễn Hữu Hoàn (2021) chỉ ra sự khác nhau về từ vựng giữa tiếng Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế và tiếng Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam chiếm tỷ lệ khá lớn (42,3%).

Có sự khác biệt giữa các phương ngữ Cơ Tu về ngữ âm. Theo Nguyễn Hữu Hoàn và Nguyễn Văn Lợi (1998: 13), tiếng Phuong (phương ngữ Cơ Tu ở các huyện Nam Đông, A Lưới) có một số âm vị nguyên âm không có ở các phương ngữ Cơ Tu khác. Theo Nguyễn Hữu Hoàn (2021),

¹ Một số thông tin về đặc điểm người trả lời như sau: Về giới tính: nam chiếm 56,3%, nữ chiếm 43,7%. Về lứa tuổi: độ tuổi từ 18 đến 35 chiếm 20%; từ 36 đến 55 tuổi chiếm 40,7%, trên 55 tuổi chiếm 39,3%. Về trình độ học vấn: mù chữ 9,3%, đã học lớp xóa mù chữ 1,7%, tiểu học 44,7%, trung học cơ sở 23%, trung học phổ thông 11,3%, và cao đẳng, đại học 10%. Về nghề nghiệp: làm nông nghiệp là 76%, số còn lại làm các công việc khác.

xét về phương diện ngữ âm, sự khác biệt của tiếng Cơ Tu giữa hai tỉnh cũng khá đa dạng và phức tạp. Tuy nhiên, sự khác biệt này chủ yếu là do sự dịch chuyển của các nguyên âm về độ mở (oo> o, eé> ê, é> eé...) về dòng gần nhau (ú> ú, ơ> oo, ê> ó...), vì vậy âm hưởng ngữ âm của các đơn vị từ vựng này cũng không khác nhau đáng kể.

1.2. Chữ Cơ Tu

Hiện nay có hai bộ chữ Cơ Tu chính đang được sử dụng ở Việt Nam. Một bộ chữ được sử dụng ở vùng Cơ Tu tỉnh Quảng Nam (chủ yếu ở huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, trong đó Tây Giang là nơi tập trung đông người Cơ Tu nhất), bộ chữ này do Bh'riu Liéc, một trí thức và lãnh đạo địa phương là người Cơ Tu xây dựng. Bộ chữ còn lại do cán bộ của Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xây dựng, hiện được dùng trong các lớp học thí điểm từ lớp 1 đến lớp 6 ở vùng Cơ Tu thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, tập trung ở hai huyện Nam Đông và A Lưới.

Ngoài ra, còn có bộ chữ Cơ Tu được thấy trong cuốn Từ điển Katu-Vietnamese-English, do Nancy A Costello biên soạn, được Viện Ngôn ngữ học Mùa hè (Summer Institute of Linguistics), Mỹ xuất bản vào năm 1991.

Tất cả các bộ chữ này đều dùng tự dạng Latin.

Do có sự cạnh tranh giữa các bộ chữ nên chúng tôi muốn trình bày thêm về hai bộ chữ Cơ Tu đang được sử dụng ở địa bàn Quảng Nam và Thừa Thiên Huế.

* Về bộ chữ Cơ Tu của Bh'riu Liéc

Bh'riu Liéc, nguyên Bí thư Huyện ủy Tây Giang, một trí thức người Cơ Tu, là người luôn trăn trở khôi phục chữ viết của dân tộc mình. Sau nhiều năm sưu tầm,

tìm tòi, hệ thống hóa các đơn vị từ vựng và nghĩa của từ, ông đã viết cuốn Từ điển Tiếng thông dụng C'tu - Kinh và văn hóa làng C'tu với mong muốn người Cơ Tu biết được chữ viết để tiếp tục giữ gìn và phát huy ngôn ngữ, văn hóa dân tộc.

Sau khi cuốn từ điển được đưa vào sử dụng, được sự góp ý của cộng đồng Cơ Tu ở huyện Tây Giang, ông Bh'riu Liéc đã bổ sung, sửa đổi cho hoàn thiện. Về việc hoàn chỉnh chính tả cho bộ chữ, mới đây tại hội thảo thống nhất chữ viết Cơ Tu, bổ sung vào Từ điển Tiếng thông dụng C'tu - Kinh và văn hóa làng C'tu, nhiều ý kiến thống nhất với ông Bh'riu Liéc về việc sử dụng các nguyên âm (a, o, u, ư), tổ hợp chữ cái nguyên âm đôi (ua, ươ, oa), phụ âm (b, c, d, t...), tổ phụ âm (th, ch, tr,..). Chữ Cơ Tu khác chữ phổ thông ở 2 phụ âm (z, j), 3 phụ âm cuối (h, l, r) đứng sau nguyên âm (ah, ol, ur), 4 tổ hợp chữ cái ghi nguyên âm đôi (oo, oo, ơơ, êê), 5 nguyên âm dài (aa, ii, uu, ươ, ôô) và 20 tổ hợp âm phụ (bh, bhl, đh, zr, dz...). Theo nhiều ý kiến tại hội thảo này, chữ viết Cơ Tu phải dùng các thanh điệu ngang, sắc, nặng và trọng âm (‘) để dễ đọc từ, phát âm chuẩn như amé (mẹ), achị (rạ), k'đị (coi thường)... Để dễ viết và đọc từ đa tiết, nhiều ý kiến cho rằng cần đánh dấu ranh giới âm tiết phụ với âm tiết chính bằng dấu phẩy viết trên con chữ cuối cùng của âm phụ [...]. Khắc phục nhược điểm đó, nhiều người cũng thống nhất bỏ nguyên âm (ơ) ở giữa các âm tiết phụ, thay bằng dấu (') trên chữ đó, như đhoroluônđ được viết thành đh'r'luônđ, caay viết thành k'ay...¹.

¹ Xem thêm: Bh'riu Quân, *Tìm lại chữ viết Cơ Tu*, Công thông tin điện tử huyện Nam Giang, <http://namgiang.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=14&NID=138&tim-lai-chu-viet-co-tu>

Như vậy, qua những lần chỉnh sửa, có thể nói bộ chữ Cơ Tu của Bh'riu Liéc đã ổn định (Xem: Bh'riu Liéc, 2006, 2018, 2022).

* Về bộ chữ Cơ Tu do Viện Ngôn ngữ học xây dựng

Năm 1998, các tác giả Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi đã công bố cuốn Tiếng Ka Tu (Nxb. Khoa học xã hội), sau đó các tác giả của Viện Ngôn ngữ học đã nhận đơn đặt hàng của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam để xây dựng chữ viết cho người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam, đồng thời tổ chức biên soạn từ điển Việt - Cơ Tu và sách học chữ Cơ Tu.

Trên cơ sở đánh giá bộ chữ Cơ Tu đã được dùng trước năm 1975 và bộ chữ được Sở Giáo dục Quảng Nam - Đà Nẵng sử dụng để biên soạn sách giáo khoa năm 1986, Nguyễn Hữu Hoàn (2009: 49-63) đã làm rõ những điểm tích cực, đồng thời cũng chỉ ra những điểm bất cập trong bộ chữ Cơ Tu đang được sử dụng trước đó, đó là: Bộ chữ Cơ Tu thu nạp hết những điều bất hợp lý của chữ Quốc ngữ; Bộ chữ còn nhiều điều bất hợp lý: tương ứng giữa hệ thống ngữ âm và chữ viết không được đảm bảo, do người xây dựng chữ viết không nắm được các thao tác ngôn ngữ học khi phân xuất hoặc quy nạp các âm vị. Tác giả đề nghị việc xây dựng chữ Cơ Tu cần thỏa mãn các tiêu chí sau đây: Mỗi âm vị nên được biểu thị bằng 1 ký hiệu; Bộ chữ phải phản ánh một cách tương đối sát thực những mối quan hệ có tính chất hệ thống của các âm vị; Xây dựng chữ viết Cơ Tu phải lấy chữ Quốc ngữ làm nền; Ngoài tiếng Việt, việc sửa đổi chữ viết Cơ Tu cũng nên đặt trong mối quan hệ với chữ viết các dân tộc gần gũi, lân cận như chữ Pa Cô, Tà Ôi, chữ Bru-Vân Kiều; Việc sửa đổi chữ Cơ Tu phải đặt trong điều kiện

khoa học kỹ thuật hiện nay, liên quan đến công tác in ấn, xuất bản.

Với định hướng như vậy, từ năm 2005, Viện Ngôn ngữ học phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam xây dựng bộ chữ viết Cơ Tu và sử dụng bộ chữ này biên soạn các bộ sách như: Tiếng Cơ Tu, Ngữ pháp Cơ Tu, Từ điển Việt - Cơ Tu, Cơ Tu - Việt. UBND tỉnh Quảng Nam chưa có văn bản công nhận và đưa vào sử dụng bộ chữ Cơ Tu do Viện Ngôn ngữ học xây dựng, mặc dù bộ chữ này đã được nghiệm thu. Cho đến khoảng năm 2016, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế mới có văn bản công nhận bộ chữ này và đưa vào sử dụng để Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế tổ chức biên soạn các sách giáo khoa dạy tiếng Cơ Tu từ lớp 1 đến lớp 6 theo chương trình thí điểm, được tài trợ của Quỹ Faro (Na Uy).

2. Kết quả nghiên cứu¹

2.1. Năng lực ngôn ngữ, chữ viết của người Cơ Tu

Năng lực ngôn ngữ, chữ viết của người Cơ Tu được hiểu là khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt, tiếng các dân tộc khác ở trong vùng và ngoại ngữ. Năng lực ngôn ngữ được chúng tôi khảo sát, nghiên cứu ở các bình diện là nghe - nói và đọc - viết chữ.

Với câu hỏi để đánh giá người Cơ Tu có thể nói được những tiếng nào, kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy 100% người trả lời có thể nói được tiếng mẹ đẻ; 90,7% có thể nói được tiếng phổ thông; 5,7% có thể nói được một số ngôn ngữ khác trong vùng; một số ít có thể nói được ngoại ngữ (7,7%) (Bảng 1).

¹ Các bảng biểu trong bài viết được tổng hợp từ kết quả khảo sát của Đề tài.

Bảng 1. Các ngôn ngữ người Cơ Tu có thể sử dụng

Tiếng	Có	Không
Cơ Tu	300 (100%)	0 (0%)
Phổ thông	272 (90,7%)	28 (9,3%)
Dân tộc khác	17 (5,7%)	283 (94,3%)
Ngoại ngữ	23 (7,7%)	277 (92,3%)

Nhìn chung, xét về mặt năng lực ngôn ngữ, có thể nói đa phần cư dân Cơ Tu phân bố ở các tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đều có thể nói được 2 thứ tiếng là tiếng Cơ Tu và tiếng phổ thông. Một số rất ít có thể nói được 3 hoặc 4 thứ tiếng. Kết quả khảo sát cho thấy, xu hướng song ngữ Cơ Tu và tiếng phổ thông là phổ biến nhất trong cộng đồng người Cơ Tu.

Đánh giá về ngôn ngữ thành thạo trong so sánh giữa tiếng mẹ đẻ (Cơ Tu), tiếng phổ thông và tiếng dân tộc khác cho thấy: người dân thạo nhất là tiếng mẹ đẻ, chiếm tỷ lệ 100%. Đối với tiếng phổ thông, số người thông thạo ở mức nhất chiếm 11%, mức nhì 73,3%; số người thông thạo ở mức ba và ít thạo chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chủ yếu họ chỉ biết giao tiếp những câu đơn giản (Bảng 2).

Bảng 2. Đánh giá về ngôn ngữ thành thạo trong so sánh giữa tiếng mẹ đẻ (Cơ Tu), tiếng phổ thông và tiếng dân tộc khác

Tiếng	Thạo nhất	Thạo nhì	Thạo ba	Ít thạo nhất
Cơ Tu	300 (100%)	0	0	0
Phổ thông	33 (11%)	220 (73,3%)	2 (0,7%)	17 (5,7%)
Dân tộc khác		8 (2,7%)	4 (1,3%)	5 (1,67%)

Dựa trên thang độ đánh giá về năng lực ngôn ngữ phổ biến, chúng tôi đã đưa ra 5 mức đánh giá năng lực ngôn ngữ theo thứ tự

tăng dần: Mức 1 - Có thể nói được vài câu đơn giản như câu chào, giới thiệu tên nhưng không hiểu người khác nói; Mức 2 - Có thể hiểu và trả lời được những câu hỏi đơn giản như tên, tuổi, quê quán...; Mức 3 - Có thể chỉ đường cho người lạ; Mức 4 - Có thể kể chi tiết về cuộc sống, gia đình, công việc...; Mức 5 - Có thể tranh luận và cãi nhau.

Kết quả khảo sát của Đề tài đối với năng lực ngôn ngữ của người Cơ Tu đối với các ngôn ngữ phổ thông, dân tộc khác theo thang độ 5 mức nêu trên cho thấy: 100% người được khảo sát có năng lực ngôn ngữ cao nhất ở tiếng mẹ đẻ, họ có thể tranh luận và cãi nhau bằng ngôn ngữ này. Đối với tiếng phổ thông, họ cũng có năng lực ngôn ngữ tương đối cao, 38,7% thông thạo ở mức 5, mức 4 là 31%, mức 3 là 17,3%. Đối với ngôn ngữ các dân tộc khác, không ai có năng lực ngôn ngữ ở mức 5 và 4, tỷ lệ ở mức 3 là 3,3% (Bảng 3). Nhìn chung, người Cơ Tu có năng lực cao đối với tiếng Cơ Tu và tiếng phổ thông, tỷ lệ biết ngôn ngữ khác khá thấp.

Bảng 3. Năng lực ngôn ngữ của người Cơ Tu theo 5 mức độ (%)

Tiếng	Mức 5	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Cơ Tu	100,0				
Phổ thông	38,7	31,0	17,3	2,3	1,3
Dân tộc khác	0	0	3,3	1,3	1,0

Về năng lực đối với chữ viết: Tỷ lệ biết đọc, biết viết tiếng Cơ Tu và tiếng phổ thông tương đối cao (Bảng 4).

Bảng 4. Tỷ lệ biết đọc, biết viết của người Cơ Tu (%)

Tiếng	Biết đọc	Không biết đọc	Biết viết	Không biết viết
Cơ Tu	42,0	56,0	38,7	61,3
Phổ thông	90,7	9,3	58,3	41,7
Chữ viết dân tộc khác	4,0	94,0	0	100,0

Trong số những cộng tác viên biết đọc, biết viết, chúng tôi đã khảo sát về việc học đọc, học viết ở đâu, kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy đa số người dân tộc Cơ Tu biết đọc, biết viết tiếng phổ thông thông qua việc học ở nhà trường. Ngoài ra, một số rất ít biết đọc, viết tiếng phổ thông ở một số nơi khác (địa phương tổ chức các lớp xóa mù) (Bảng 5).

Bảng 5. Nơi người Cơ Tu theo học đọc, viết

Nơi học	Phổ thông (272 người biết đọc)	Cơ Tu (126 người biết đọc)	Dân tộc khác (12 người biết đọc)
Gia đình	5 (1,7%)	49 (16,3%)	0
Nhà trường	265 (88,3%)	90 (30,0%)	0
Nơi khác	2 (0,7%)	53 (17,7%)	12 (4,0%)

2.2. Thái độ đối với ngôn ngữ, chữ viết

Thái độ ngôn ngữ thể hiện qua mức độ hài lòng của người bản ngữ đối với tiếng nói và chữ viết tiếng mẹ đẻ và ý thức của cộng đồng về sự cần thiết hay không cần thiết của một ngôn ngữ nào đó trong các lĩnh vực khác nhau trong đời sống của họ.

Kết quả khảo sát của Đề tài về mức độ hài lòng về chữ Cơ Tu của người Cơ Tu ở các tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam cho thấy: 36,3% trả lời hài lòng, 22,3% trả lời không hài lòng, số còn lại trả lời không biết là 41,4% (với lý do họ không biết chữ Cơ Tu hoặc không được tiếp xúc với chữ Cơ Tu nên không thể đánh giá được).

Việc người Cơ Tu hài lòng hoặc không hài lòng với chữ viết Cơ Tu có thể mang tính chủ quan, cá nhân, bởi lẽ có trường hợp người Cơ Tu không biết chữ dân tộc mình nhưng vẫn đánh giá không hài lòng.

Liên quan tới việc vẫn còn phần lớn người dân tộc Cơ Tu không biết chữ viết dân tộc mình, một câu hỏi được đặt ra là

nếu ở địa phương có mở lớp dạy đọc và viết chữ Cơ Tu thì liệu họ có đi học hay không, kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy đa số đều muốn đi học (67,7%), trong số đó cũng có một số người mặc dù đã biết chữ Cơ Tu nhưng vẫn muốn tiếp tục theo học. 2,7% trả lời nếu có thời gian thì mới đi học. Số còn lại (chiếm 29,7%) trả lời sẽ không đi học, trong số này có một số đã biết chữ Cơ Tu, số còn lại do quá nhiều tuổi hoặc không có thời gian theo học.

Đối với những người mong muốn được đi học, lý do được đưa ra chủ yếu là để bảo tồn văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc mình. Trong khi đó, đối với những người không muốn học chữ Cơ Tu, nguyên nhân đa dạng hơn, liên quan đến giới tính, lứa tuổi, thời gian, hoặc vì đã biết chữ Cơ Tu nên không có nhu cầu tiếp tục theo học.

Về nguyện vọng của người Cơ Tu có cần biết nói, đọc, viết tiếng dân tộc mình hay không, kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy: 100% nhất trí rằng “cần biết nói tiếng dân tộc mình”, 98,3% cho rằng “cần biết đọc chữ dân tộc mình”, 98% đồng ý rằng “cần biết viết chữ dân tộc mình”. Tỷ lệ trả lời “không” hoặc “khó trả lời” là rất nhỏ.

Về tầm quan trọng của việc học tiếng phổ thông so với tiếng Cơ Tu, kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy 36% cho rằng việc học tiếng phổ thông quan trọng hơn việc học tiếng Cơ Tu. Họ coi tiếng phổ thông là phương tiện phục vụ việc học tập, mưu sinh, thuận tiện trong sử dụng. Trong khi đó 3% trả lời không chắc chắn, 60,3% cho rằng việc học tiếng phổ thông không quan trọng hơn so với tiếng Cơ Tu (với lý do rằng cả hai thứ tiếng đều quan trọng như nhau), số còn lại 0,7% trả lời “không biết” (Bảng 6).

Bảng 6. Việc học các ngôn ngữ khác có quan trọng hơn so với tiếng Cơ Tu hay không (%)

	Có	Không chắc chắn	Không	Không biết
Học nói tiếng phổ thông quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?	36,0	3,0	60,3	0,7
Học nói tiếng dân tộc khác trong vùng quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?	1,0	1,0	97,0	1,0
Học nói tiếng nước ngoài quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?	8,0	4,7	80	7,3

Bảng 7. Ý kiến của người Cơ Tu về vấn đề bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Cơ Tu (%)

	Đồng ý	Không chắc chắn	Không đồng ý	Không biết
Cần có chữ viết để bảo tồn văn hóa dân tộc mình	100,0	0	0	0
Cần có chữ viết để bảo tồn tiếng nói dân tộc mình	100,0	0	0	0
Cần dạy tiếng dân tộc mình trong nhà trường	98,0	1,0	0,3	0,7
Cần sử dụng tiếng dân tộc mình cùng với tiếng Việt trong dạy học ở tiểu học	97,3	1,0	0,3	1,4

Bên cạnh đó, đại đa số (97%) khẳng định việc học tiếng dân tộc khác trong vùng không quan trọng bằng việc học tiếng dân tộc mình. Đồng thời khi được hỏi về tầm quan trọng của việc học tiếng nước ngoài so với tiếng dân tộc mình, đại đa số thiên về lựa chọn phương án “không” (80%), có nghĩa là đa số khẳng định học tiếng nước ngoài không quan trọng hơn học tiếng dân tộc mình. Một số ít (8%) có quan điểm là học tiếng nước ngoài quan trọng hơn, vì nó giúp họ hội nhập, phát triển và có cơ hội tiếp xúc với người nước ngoài.

Khảo sát ý kiến của người Cơ Tu về vấn đề bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Cơ Tu, chúng tôi thu được kết quả như sau: Đa số người dân tộc Cơ Tu đều cho rằng chữ viết là rất quan trọng để bảo tồn văn hóa, bảo tồn tiếng nói dân tộc mình. Đồng thời họ cũng mong muốn tiếng dân tộc mình được dạy trong nhà trường (Bảng 7). Đây là một tín hiệu tích cực, tạo cơ sở thuận

lợi cho công tác gìn giữ, bảo tồn tiếng nói, chữ viết của dân tộc Cơ Tu.

3. Kết luận và kiến nghị

Những kết quả khảo sát của Đề tài về tình hình sử dụng ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ của người Cơ Tu cho thấy: Tình trạng song ngữ (Cơ Tu-Việt) của người Cơ Tu rất tốt, tiếng Cơ Tu là ngôn ngữ an toàn, tức không phải là ngôn ngữ có nguy cơ mai một. Phần lớn người Cơ Tu có thể sử dụng thành thạo cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về việc lựa chọn chữ viết Cơ Tu: Cần có sự thảo luận để đi đến sự đồng thuận trong việc lựa chọn chữ viết Cơ Tu đưa vào sử dụng một cách có hiệu quả nhất. Hiện có hai bộ chữ Cơ Tu được sử dụng song song ở địa bàn người Cơ Tu thuộc tỉnh Quảng Nam (các huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang) và một bộ chữ khác được sử dụng ở tỉnh

Thừa Thiên Huế (các huyện Nam Đông, A Lưới).

Về mặt khoa học, bộ chữ do Viện Ngôn ngữ học xây dựng có tính khoa học cao hơn, do các nhà ngôn ngữ học xây dựng, dựa trên các nguyên lý phân xuất âm vị học và xây dựng chữ viết ghi âm. Bộ chữ của Viện Ngôn ngữ học có ưu điểm về phương diện khoa học chữ viết.

Trong khi đó, bộ chữ của Bh'riu Liéc có một số điểm mạnh ở chỗ: Bh'riu Liéc là trí thức của dân tộc Cơ Tu, có tấm lòng tự hào dân tộc, muốn khẳng định bản sắc ngôn ngữ, văn hóa người Cơ Tu. Vì thế, Bh'riu Liéc có điểm mạnh về phương diện “tình cảm” của một người con của dân tộc Cơ Tu. Bộ chữ của Bh'riu Liéc còn được xem là kế thừa bộ chữ mà cán bộ cách mạng đã xây dựng và sử dụng để tuyên truyền, in ấn tài liệu trong kháng chiến chống Mỹ, vì thế có được điểm mạnh của truyền thống, gắn với quá khứ “vinh quang” như Unseth (2005) đã chỉ ra như một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ viết.

Chúng tôi cho rằng, cần có một hội thảo khoa học để những người xây dựng hai bộ chữ, cùng với các nhà ngôn ngữ học khác có kinh nghiệm trong việc xây dựng chữ viết, cùng với lãnh đạo địa phương, người dân tộc có uy tín, trao đổi, phân tích khoa học, điều chỉnh để tiến tới có được một bộ chữ chung cho người Cơ Tu, trên cơ sở bộ chữ Cơ Tu do Viện Ngôn ngữ học xây dựng.

Thứ hai, về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết Cơ Tu: Việc dạy và học tiếng mẹ đẻ của người Cơ Tu, đặc biệt là học sinh tiểu học, theo các lớp thí điểm đã và đang thu được nhiều kết quả tích cực, với sự tài trợ của Quỹ Faro (Na Uy). Đây là một mô hình hay, cần nghiên cứu để có thể nhân rộng. Thông qua đầu mối chuyên môn là

Viện Ngôn ngữ học, Quỹ Faro đã tài trợ để Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế có thể mở các lớp dạy tiếng Cơ Tu thí điểm, cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 3, sau đó mở rộng đến học sinh từ lớp 4 đến lớp 6, tại một số trường ở huyện Nam Đông và A Lưới, Thừa Thiên Huế. Sách giáo khoa được Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế tổ chức biên soạn, phù hợp với chương trình hiện hành. Giáo viên đứng lớp là người Cơ Tu ở địa phương, được nhận phụ cấp với sự hỗ trợ của Quỹ Faro.

Chúng tôi cho rằng trường học là nơi tốt nhất để tăng cường năng lực tiếng Cơ Tu. Hiện nay, theo chương trình giáo dục phổ thông mới (từ năm 2018), đã có 8 ngôn ngữ dân tộc thiểu số được lựa chọn để biên soạn sách giáo khoa, đưa vào giảng dạy học phần tự chọn từ lớp 1 đến lớp 12. Trong những tiêu chí để một ngôn ngữ được lựa chọn, có tiêu chí về số dân và đã có sách giáo khoa và các lớp thí điểm. Tiếng Cơ Tu thỏa mãn hai tiêu chí này, chỉ cần thống nhất bộ chữ Cơ Tu để đưa vào sử dụng. Lãnh đạo các cấp cùng đại diện trí thức người Cơ Tu nên có những hoạt động thiết thực để tiếng Cơ Tu sớm được lựa chọn biên soạn sách giáo khoa, được đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông.

Thứ ba, về việc phổ biến tiếng Việt (tiếng phổ thông) trong cộng đồng Cơ Tu: Tiếng Việt được Hiến pháp Việt Nam 2013 khẳng định là ngôn ngữ quốc gia. Vì thế, việc học tiếng Việt cũng là một vấn đề cần được quan tâm đối với người Cơ Tu. Các ý kiến thu thập được qua khảo sát của Đề tài cho thấy, đối với người Cơ Tu, tiếng Việt là ngôn ngữ rất quan trọng trong giao tiếp hằng ngày, vì thế việc phổ biến, dạy tiếng Việt là cần thiết, giúp việc giao lưu văn hóa, truyền bá kiến thức giữa các dân tộc với nhau dễ dàng hơn. Việc sử dụng thành

thạo tiếng Việt cũng là điều kiện tiên quyết để con em người Cơ Tu có thể theo học những bậc học cao hơn, có chuyên môn tốt để đóng góp hiệu quả vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc □

Tài liệu tham khảo

1. Bھ'riu Liếc (2006), *Từ điển Tiếng thông dụng C' tu - Kinh và văn hóa làng C' tu*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Nam cấp phép xuất bản, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Bھ'riu Liếc (2018), *P'rá Cơ Tu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Bھ'riu Liếc (2022), “Bảo tồn chữ viết dân tộc Cơ Tu: thực trạng và giải pháp kiến nghị”, *Báo cáo tại Tọa đàm Tình hình sử dụng, dạy và học đối với ngôn ngữ, chữ viết Cơ Tu* ngày 15/4/2022 tại UBND huyện Tây Giang, Quảng Nam.
4. Bھ'riu Quân, *Tìm lại chữ viết Cơ Tu*, Công thông tin điện tử huyện Nam Giang, <http://namgiang.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=14&NID=138&tim-lai-chu-viet-co-tu>
5. Costello, Nancy A (1991), *Từ điển Katu-Vietnamese-English*, Viện Ngôn ngữ học Mùa hè (Summer Institute of Linguistics), Texas.
6. Nguyễn Hữu Hoàn (2009), “Suy nghĩ về một phương án sửa đổi chữ viết Cotu”, trong: Tạ Văn Thông (chủ biên, 2009), *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 49-63.
7. Nguyễn Hữu Hoàn (2021), “Vấn đề các phương ngữ Cơ Tu và việc biên soạn sách dạy-học tiếng Cơ Tu”, *Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư*, số 1, tr. 97-103.
8. Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi (1998), *Tiếng Ka Tu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
10. Unseth, P. (2005), “Sociolinguistic parallels between choosing scripts and languages”, *Written Language & Literacy*, No. 8, p. 19-42.